

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2017
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Ngán

Ông Vũ Đình Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2017 về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1975;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1969;

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Chị B có mặt, anh K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và nội dung bản tự khai, nguyên đơn (chị Phạm Thị B) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991; có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng hơn 10 năm thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra xô sát, cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu được ly hôn anh K.

Quá trình chung sống, chị B và anh K có hai con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/4/1991 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/6/1994. Hai con của anh chị

đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn K) vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai anh trình bày: Anh và chị Phạm Thị B tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Nay chị B xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn. Anh và chị B có 02 con chung như chị B trình bày, các con đều đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng; anh chị tự thỏa thuận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn (anh K) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, yêu cầu của chị B về việc ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến của anh K nên được chấp nhận, xử không công nhận chị B và anh K là vợ chồng.

Anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/4/1991 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/6/1994. Các con đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng; chị B và anh K tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; khoản 1 Điều 228, **Điều 266, Điều 273** của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xứ không công nhận chị Phạm Thị B và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/4/1991 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/6/1994. Hai con của anh chị đã trưởng thành, không phải nuôi dưỡng.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số: 0011039, ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tp Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Tiên Lãng;
- Chi cục THADS h. Tiên Lãng;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Nam Hưng
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Thị Toàn